

VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP TRONG HỆ THỐNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA TẠI VIỆT NAM

● NGUYỄN HẠNH TRANG

Tốt nghiệp Đại học bang California

TÓM TẮT:

Bài viết phân tích những đóng góp đa dạng của các doanh nghiệp Việt Nam vào quỹ đạo đổi mới sáng tạo của đất nước, trong khuôn khổ cải cách kinh tế và hội nhập quốc tế. Những phát hiện nhấn mạnh đổi mới ở cấp độ doanh nghiệp, bao gồm các khía cạnh sản phẩm, quy trình, tiếp thị và tổ chức, là điều cần thiết để duy trì khả năng cạnh tranh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Những tiến bộ đáng kể đã được ghi nhận, đặc biệt là trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) và các tổ chức nhà nước. Bài viết kết thúc với các khuyến nghị nhằm tăng cường hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, tập trung vào các can thiệp chính sách, cải thiện hợp tác và các cơ chế hỗ trợ cụ thể để nâng cao vai trò của doanh nhân trong sự phát triển bền vững của Việt Nam.

Từ khóa: đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp, nghiên cứu và phát triển, đầu tư trực tiếp nước ngoài, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia (National Innovation System - NIS) được hiểu là mạng lưới các thể chế, chính sách và chủ thể mà sự tương tác giữa chúng định hình quá trình tạo lập, phổ biến và ứng dụng tri thức vào phát triển kinh tế - xã hội (Godin, 2009). Trong cấu trúc của NIS, doanh nghiệp giữ vai trò trung tâm khi trực tiếp chuyển hóa tri thức, công nghệ và kết quả nghiên cứu thành sản phẩm, dịch vụ và giá trị kinh tế, qua đó thúc đẩy năng suất và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế (Xuan Dien, 2020). Đối với doanh nghiệp, đổi mới không chỉ giới hạn ở tiến bộ công nghệ mà còn bao gồm các cải tiến về sản phẩm, quy trình sản xuất, tiếp thị và tổ chức quản lý (Tuan et al., 2016). Điều này đặc biệt quan trọng đối với các doanh nghiệp Việt Nam, nhất là khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs), khi phải thích ứng với áp lực cạnh tranh

ngày càng gia tăng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Nhận thức được vai trò của đổi mới sáng tạo, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách nhằm nâng cao năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp, trong đó chú trọng thúc đẩy chuyển giao công nghệ từ FDI và tăng cường hoạt động nghiên cứu và phát triển trong nước (Van, 2022). Tuy nhiên, mức độ mà các chính sách và nguồn lực này được chuyển hóa thành kết quả đổi mới ở cấp doanh nghiệp, cũng như đóng góp của chúng đối với sự vận hành hiệu quả của hệ thống đổi mới sáng tạo (NIS) tại Việt Nam, vẫn cần được nghiên cứu sâu hơn. Trên cơ sở đó, bài viết phân tích vai trò của doanh nghiệp trong hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia tại Việt Nam, đồng thời xem xét tác động của chính sách, động lực thị trường và năng lực nội tại của doanh nghiệp đối với kết quả đổi mới sáng tạo.

2. Khung lý thuyết

Khái niệm “Hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia” (National Innovation System - NIS) được hiểu là mạng lưới các tổ chức và thể chế trong khu vực công và tư nhân, thông qua sự tương tác, tri thức và công nghệ được tạo ra, tiếp nhận, điều chỉnh và phổ biến trong nền kinh tế (Godin, 2009). Trong cấu trúc của NIS, doanh nghiệp giữ vai trò trung tâm vì là chủ thể trực tiếp chuyển hóa tri thức và công nghệ thành sản phẩm, dịch vụ và giá trị kinh tế thông qua các hoạt động đổi mới (Xuan Dien, 2020). Ở các quốc gia đang phát triển, cấu trúc và hiệu quả của NIS thường có những đặc điểm riêng, đòi hỏi các chính sách hỗ trợ và cơ chế điều phối phù hợp để nâng cao năng lực đổi mới (Ngoc Ca, 2016).

Các thành tố chủ yếu của NIS bao gồm: cơ quan nhà nước, các tổ chức nghiên cứu và giáo dục, hệ thống tài chính và khu vực doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp có thể tồn tại dưới nhiều hình thức như doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Ở cấp độ doanh nghiệp, đổi mới thường được phân loại thành đổi mới sản phẩm, quy trình, tiếp thị và tổ chức (Tuan et al., 2016). Những hoạt động đổi mới này chịu tác động của cả yếu tố nội tại của doanh nghiệp - như đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D), vốn nhân lực và năng lực công nghệ - và các yếu tố môi trường bên ngoài, bao gồm cạnh tranh thị trường, chính sách của chính phủ, khả năng tiếp cận nguồn tài chính và cơ sở hạ tầng công nghệ (Nguyen et al., 2020). Do đó, hiệu quả của NIS được phản ánh ở khả năng thúc đẩy đổi mới ở cấp doanh nghiệp và tạo điều kiện cho sự lan tỏa của đổi mới trong toàn bộ nền kinh tế.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Đổi mới và hiệu quả hoạt động ở cấp doanh nghiệp

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gia tăng, các doanh nghiệp Việt Nam ngày càng nhận thức rõ vai trò của đổi mới sáng tạo như một yếu tố quan trọng đối với tăng trưởng và năng lực cạnh tranh. Nhiều nghiên cứu cho thấy, tồn tại mối quan hệ tích cực giữa hoạt động đổi mới và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Cụ thể, đổi mới quy trình, tiếp thị và tổ chức góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động,

trong khi đổi mới sản phẩm (đặc biệt là cải tiến các sản phẩm hiện có) sẽ tác động đáng kể đến hiệu suất của các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) (Le et al., 2023). Bên cạnh đó, các hoạt động như phát triển sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm và đổi mới quy trình sản xuất cũng được xác định là những yếu tố quan trọng thúc đẩy thành công xuất khẩu của SMEs Việt Nam (Nguyen et al., 2008).

Tuy nhiên, phạm vi đổi mới sáng tạo nội sinh của doanh nghiệp tại Việt Nam vẫn còn hạn chế. Lợi ích kinh tế từ đổi mới thường không xuất hiện ngay lập tức, do các khoản đầu tư vào đổi mới cần thời gian để tạo ra hiệu quả tài chính, dù có thể góp phần củng cố lòng trung thành của khách hàng (Canh et al., 2019). Hoạt động đổi mới của doanh nghiệp cũng chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, như năng lực nghiên cứu thị trường, sự hỗ trợ của ban lãnh đạo, nguồn nhân lực, mạng lưới hợp tác và văn hóa đổi mới trong tổ chức (Nguyen et al., 2020). Trong đó, vai trò của lãnh đạo và năng lực nghiên cứu thị trường được xem là những yếu tố quyết định quan trọng đối với việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

3.2. Ảnh hưởng của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là một yếu tố quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế của Việt Nam kể từ khi thực hiện công cuộc Đổi mới, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và hỗ trợ nâng cấp công nghệ (Thoburn, 2013). Nhiều nghiên cứu cho thấy, FDI có tác động tích cực và mang ý nghĩa quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Tuy nhiên, tác động lan tỏa của FDI đối với đổi mới công nghệ của doanh nghiệp trong nước vẫn mang tính phức tạp và phụ thuộc vào nhiều yếu tố, như quy mô doanh nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển (R&D) và trình độ kỹ năng của lực lượng lao động.

Các nghiên cứu cho thấy, những yếu tố nội tại như vốn, chất lượng lao động, vị trí địa lý và khả năng tham gia xuất khẩu có ảnh hưởng đáng kể đến quyết định đầu tư R&D của doanh nghiệp trong nước. Trong khi đó, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc liên doanh thường ít thực hiện R&D tại chỗ hơn so với doanh nghiệp hoàn toàn trong nước (Ha et al., 2021). Điều này cho thấy, cần

tăng cường các liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI nhằm thúc đẩy chuyển giao công nghệ và nâng cao năng lực đổi mới. Đồng thời, hiệu quả của FDI đối với tăng trưởng kinh tế sẽ được củng cố khi các quốc gia đầu tư nhiều hơn vào giáo dục, đào tạo, phát triển thị trường tài chính và thu hẹp khoảng cách công nghệ giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài.

3.3. Chính sách của Chính phủ và hệ sinh thái đổi mới

Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, coi khoa học, công nghệ và giáo dục là nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội. Các chương trình hỗ trợ đổi mới sáng tạo và phát triển công nghệ thông tin đã góp phần nâng cao năng lực đổi mới và thúc đẩy chuyển đổi số, đặc biệt đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ (Mai et al., 2023). Bên cạnh đó, các chính sách như ưu đãi thuế, hỗ trợ tín dụng và đầu tư vào hạ tầng đổi mới - đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông - đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư và phát triển của doanh nghiệp (Huy, 2024).

Tuy nhiên, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm hạn chế trong thực thi chính sách và mức độ đổi mới nội sinh còn thấp (Van, 2022). Những hạn chế về tài chính, nguồn nhân lực và năng lực quản trị vẫn ảnh hưởng đến khả năng đổi mới của nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ hoặc doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ (Nhan & Thuy, 2025). Vì vậy, việc hoàn thiện chính sách theo hướng phù hợp với đặc thù từng loại hình doanh nghiệp và tăng cường liên kết trong hệ sinh thái đổi mới là yếu tố quan trọng để thúc đẩy đổi mới sáng tạo bền vững.

3.4. Thách thức và cơ hội

Các doanh nghiệp tại Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức trong quá trình thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Những hạn chế về quy mô kinh tế, năng lực công nghệ và nguồn lực tài chính khiến nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, gặp khó khăn trong việc triển khai các hoạt động đổi mới (Yun, 2021). Bên cạnh đó, hợp tác quốc tế tuy tạo cơ hội tiếp cận tri thức và công nghệ mới nhưng cũng có thể làm gia tăng sự phức tạp trong

việc chuyển hóa đổi mới sản phẩm và quy trình thành hiệu quả kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (Canh et al., 2019).

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, doanh nghiệp vừa được hưởng lợi từ quá trình lan tỏa tri thức và cạnh tranh thị trường, vừa phải đối mặt với áp lực nâng cao năng lực đổi mới và đa dạng hóa hoạt động (Vy et al., 2023). Do đó, để phát huy vai trò của doanh nghiệp trong hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, cần có các chính sách hỗ trợ có mục tiêu, bao gồm mở rộng khả năng tiếp cận vốn, phát triển nguồn nhân lực, tăng cường mạng lưới hợp tác và nâng cao hiệu quả thực thi chính sách phù hợp với đặc thù của từng nhóm doanh nghiệp.

4. Giải pháp và khuyến nghị

Để nâng cao hiệu quả của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, cần triển khai một số giải pháp chính sách theo hướng đồng bộ và có mục tiêu:

Thứ nhất, tăng cường hỗ trợ đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs): Nhà nước cần mở rộng các ưu đãi tài chính như giảm thuế, trợ cấp và tín dụng ưu đãi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) và đổi mới sáng tạo. Đồng thời, cần cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, chương trình cố vấn và đơn giản hóa thủ tục hành chính nhằm nâng cao khả năng tiếp cận các nguồn hỗ trợ cho doanh nghiệp.

Thứ hai, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: Việc đầu tư vào giáo dục và đào tạo, đặc biệt trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM), cần được tăng cường. Bên cạnh đó, các chương trình nâng cao kỹ năng, đào tạo quản lý và thúc đẩy văn hóa đổi mới trong doanh nghiệp cũng đóng vai trò quan trọng.

Thứ ba, thúc đẩy hợp tác và mạng lưới đổi mới: Cần tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp FDI nhằm thúc đẩy chuyển giao tri thức và hợp tác nghiên cứu. Việc phát triển các cụm ngành và trung tâm đổi mới sẽ tạo điều kiện cho chia sẻ nguồn lực và lan tỏa đổi mới.

Thứ tư, tối ưu hóa tác động của FDI: Chính sách cần khuyến khích chuyển giao công nghệ, tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI, đồng thời thúc đẩy sự tham gia của các tổ chức nghiên cứu vào các dự án đổi mới chung.

Thứ năm, tăng cường hạ tầng đổi mới và chuyển đổi số: Đầu tư vào hạ tầng công nghệ thông tin, thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong sản xuất và quản trị, cũng như phát huy vai trò dẫn dắt của các doanh nghiệp nhà nước trong triển khai công nghệ mới sẽ góp phần nâng cao năng lực đổi mới của doanh nghiệp.

Việc triển khai đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần củng cố vai trò của khu vực doanh nghiệp trong hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam.

5. Kết luận

Doanh nghiệp giữ vai trò trung tâm trong sự vận hành và phát triển của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia tại Việt Nam. Các hoạt động đổi mới ở cấp doanh nghiệp góp phần nâng cao năng lực cạnh

tranh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, hiệu quả của đổi mới phụ thuộc vào năng lực nội tại của doanh nghiệp, môi trường thể chế hỗ trợ và tính hiệu quả của các chính sách thúc đẩy đổi mới. Bên cạnh đó, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế, nhưng tác động lan tỏa đối với năng lực đổi mới của doanh nghiệp trong nước không diễn ra một cách tự động. Hiệu quả của quá trình này phụ thuộc vào năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp trong nước cũng như mức độ liên kết giữa doanh nghiệp nội địa và doanh nghiệp FDI. Do đó, việc tăng cường năng lực công nghệ, thúc đẩy hợp tác và hoàn thiện chính sách hỗ trợ là điều kiện quan trọng để khai thác hiệu quả hơn vai trò của doanh nghiệp trong hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia và hướng tới phát triển kinh tế bền vững■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Canh, N. T., Liem, N. T., Thu, P. A., & Khuong, N. V. (2019). The Impact of Innovation on the Firm Performance and Corporate Social Responsibility of Vietnamese Manufacturing Firms. In *Sustainability* 11(13), 3666. MDPI AG. Available at <https://doi.org/10.3390/su11133666>
- Godin, B. (2009). National Innovation System. In *Science, Technology, & Human Values* 34(4), 476–501. SAGE Publications. Available at <https://doi.org/10.1177/0162243908329187>
- Ha, V., Holmes, M. J., & Hassan, G. (2021). Does foreign direct investment influence R&D activity in the host country? Evidence from Vietnam. In *International Journal of Emerging Markets* 18(9), 2599–2619. Emerald. Available at <https://doi.org/10.1108/ijem-08-2020-0932>
- Huy, H. V. (2024). Impact of national innovation infrastructure on innovation tendencies in Vietnamese firms. In *Journal Of Asian Business And Economic Studies* 35(1), 4–20. University of Economics Ho Chi Minh City. Available at <https://doi.org/10.24311/jabes/2024.35.1.6>
- Le, D. V., Le, H. T. T., Pham, T., & Vo, L. V. (2023). Innovation and SMEs Performance: Evidence from Vietnam. In *SSRN Electronic Journal*. Elsevier BV. Available at <https://doi.org/10.2139/ssrn.4342091>
- Mai, B. T., Nguyen, P. V., Ton, U. N. H., & Ahmed, Z. U. (2023). Government policy, IT capabilities, digital transformation, and innovativeness in the post-COVID context: case of Vietnamese SMEs. In *International Journal of Organizational Analysis* 32(2), 333–356. Emerald. Available at <https://doi.org/10.1108/ijoa-11-2022-3480>
- Ngoc Ca, T. (2016). The national innovation system in Vietnam and its relevance for development. In *Innovation Systems for Development*. Edward Elgar Publishing. Available at <https://doi.org/10.4337/9781783473830.00010>
- Nguyen Ngoc Thuy Vy, Do Thi Thanh Nhan, Thu-Quang Luu, & Wing-Keung Wong. (2023). Impact of Globalisation on Innovation of Small and Medium Enterprises in Vietnam. In *Asian Academy of Management Journal* 28(1). Universiti Sains Malaysia. Available at <https://doi.org/10.21315/aamj2023.28.1.4>
- Nguyen, A. N., Pham, N. Q., Nguyen, C. D., & Nguyen, N. D. (2008). Innovation and exports in Vietnam's SME sector. In *The European Journal of Development Research* 20(2), 262–280. Springer Science and Business Media LLC. Available at <https://doi.org/10.1080/09578810802060801>
- Nguyen, T. L. H., Pham, N. T., Dao, V. P. L., Ngo, T. T. T., & Le, T. T. B. (2020). Critical Factors Affecting the Innovation Activities of Businesses: Evidence from Binh Dinh Province, Vietnam. In *The Journal of Asian Finance, Economics and Business* 7(7), 425–438. Korea Distribution Science Association. Available at <https://doi.org/10.13106/jafeb.2020.vol7.no7.425>

- Nhan, P. T., & Thuy, L. X. (2025). Current Situation of Innovation Activities in Women-Owned Tourism Enterprises in Northern Vietnam. In *World Journal of Social Science Research* 12(1), 72. Scholink Co, Ltd. Available at <https://doi.org/10.22158/wjssr.v12n1p72>
- Thoburn, J. (2013). Vietnam as a Role Model for Development. In *Achieving Development Success* (pp. 99–118). Oxford University Press. Available at <https://doi.org/10.1093/acprof:oso/9780199671557.003.0005>
- Tuan, N., Nhan, N., Giang, P., & Ngoc, N. (2016). The effects of innovation on firm performance of supporting industries in Hanoi, Vietnam. In *Journal of Industrial Engineering and Management* 9(2), 413. Omnia Publisher SL. Available at <https://doi.org/10.3926/jiem.1564>
- Van, V. H. (2022). Education policy in the context of Vietnam's international integration. In *International journal of health sciences*, 3562–3571. Universidad Técnica de Manabí. Available at <https://doi.org/10.53730/ijhs.v6ns4.9019>
- Xuan Dien, N. (2020). Challenges for the Sustainable Development of Vietnamese Enterprises and Remedial Solutions. In *International Journal of Business and Management* 15(6), 192. Canadian Center of Science and Education. Available at <https://doi.org/10.5539/ijbm.v15n6p192>
- Yun, M. (2021). The impact of technological capability on MSME innovation: a case study of Vietnam. In *Asian Journal of Technology Innovation* 30(3), 491–518). Informa UK Limited. Available at <https://doi.org/10.1080/19761597.2021.1890163>

Ngày nhận bài: 10/01/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/01/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 10/02/2026

THE ROLE OF ENTERPRISES IN VIETNAM'S NATIONAL INNOVATION SYSTEM

● NGUYEN HANH TRANG

California State University

ABSTRACT:

This study examines the multifaceted contributions of Vietnamese enterprises to the country's innovation trajectory within the context of economic reform and international integration. The analysis highlights that firm-level innovation, including: spanning product, process, marketing, and organizational dimensions, constitutes a critical driver of competitiveness and sustained economic growth. Notable advancements are observed across both small and medium-sized enterprises (SMEs) and state-owned organizations, reflecting an increasingly dynamic and adaptive business sector. The findings provide a comprehensive perspective on the evolving role of enterprises in shaping Vietnam's innovation landscape and underscore the structural factors underpinning their contribution to long-term development.

Keywords: innovation, enterprises, research and development, foreign direct investment, Vietnam.